TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 -THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do -Hạnh phúc**

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Bản án số : 272 /2026/HS - ST
Ngày 19 - 6- 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 -THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Vũ Linh.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Lực
2. Ông Phan Văn Cường

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Anh Ly, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16-Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Cao Tấn Ngoan, Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 6 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 252/2026/HSST ngày 29 tháng 4 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 263/2026/QĐXXST - HS ngày 20/5/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 150/2026/HSST-QĐ ngày 02/6/2026 đối với các bị cáo.

1. Phan Văn M, sinh ngày 20/07/2001 tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: Tổ dân phố T xã Q, Thành phố Đà Nẵng; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Bốc xếp ; trình độ học vấn: 0/12; con ông Lưu Văn B, sinh năm 1969 và con bà Phan Thị C, sinh năm 1977; bị cáo có 03 anh em ruột, bị cáo là thứ 2; tiền sự: Không có.

Tiền án: Ngày 29/8/2024, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh) xử phạt 07 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", tại Bản án 253. Bị cáo chấp hành xong án phạt tù ngày 02/02/2025, nộp án phí ngày 21/5/2025.

Nhân thân:

+ Ngày 08/5/2018, Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh) xử phạt 01 năm 08 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", tại Bản án 107.

+ Ngày 05/10/2018, Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh) xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", tại Bản án 185. Tổng hợp hình phạt với Bản án 107 ngày 08/5/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh) buộc bị cáo chấp hành chung 02 bản án

là 02 năm 05 tháng tù, bị cáo nộp án phí ngày 16/9/2019, chấp hành xong án tù ngày 18/01/2020.

Bị cáo ra đầu thú ngày 12/7/2025, có mặt.

2. Nguyễn Văn T, sinh 02/9/1991 tại tỉnh Quảng Trị ; thường trú: Thôn L, xã T, tỉnh Quảng Trị; tạm trú: 18C/22 khu phố T, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do ; trình độ học vấn: 7/12; con ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1964 và con bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1969; bị cáo có 03 anh em ruột, bị cáo là thứ 2; tiền sự: Không có

Tiền án: Ngày 16/6/2023, Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 11, tỉnh Đồng Nai) xử phạt 02 năm tù, về tội "Trộm cắp tài sản", tại Bản án số 30. bị cáo chấp hành xong án phạt tù ngày 29/10/2024, nộp án phí ngày 08/8/2023.

Nhân thân:

+ Ngày 03/8/2010, Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 4, tỉnh Quảng Trị) xử phạt 06 tháng tù, về tội "Trộm cắp tài sản", tại Bản án 16. Bị cáo nộp án phí ngày 21/9/2010, chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/6/2011.

+ Ngày 10/9/2014, Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 4, tỉnh Quảng Trị) xử phạt 15 tháng tù, về tội "Trộm cắp tài sản" bản án 31 bị cáo nộp án phí ngày 11/11/2014.

+ Ngày 26/5/2015, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị) xử phúc thẩm phạt 12 tháng tù, về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án 47. Tổng hợp hình phạt Bản án số 31/2014/HS-ST ngày 10/9/2014 Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 4, tỉnh Quảng Trị) buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 27 tháng tù. Bị cáo nộp án phí ngày 17/7/2015, chấp hành xong án phạt ngày 13/11/2016.

Bị cáo ra đầu thú ngày 12/7/2025, có mặt.

Bị hại:

1. Anh Nguyễn Dương E, sinh năm 1993; tạm trú: 6 khu phố N, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Anh Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1996; tạm trú: 153 đường B khu phố N, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Anh Dương Hoài N, sinh năm 1989; tạm trú: số D đường số C, khu phố T, phường D,Thành phố Hồ Chí Minh.

(Anh E, S, N có yêu cầu xét xử vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Đinh Ngọc L, sinh năm 1983; thường trú: 87/31 đường H, phường A, Thành phố Cần Thơ, vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Út L1, sinh năm 1985; địa chỉ: A khu phố T, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

3. Anh Cao Tấn P, sinh năm 1980; địa chỉ: 3 đường N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Phan Văn M và Nguyễn Văn T là bạn, M thường đến phòng trọ của T tại số A khu phố T, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh chơi và ngủ lại. Tại đây M nhiều lần rủ T đi chiếm đoạt tài sản của người khác để bán lấy tiền, M và T đã thực hiện các lần như sau:

Vụ thứ 1: Khoảng 3 giờ ngày 04/7/2025, M cùng T đi bộ đến dãy nhà trọ địa chỉ 6 khu phố N, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh nhìn thấy bên trong hành lang dãy trọ có dựng 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Future màu trắng, biển số 59SA-207.19 của anh Nguyễn Dương E, M đi đến cổng sử dụng 01 đoạn dây điện nhặt được trên đường lồng vào ổ khóa cổng giật mạnh làm ổ khoá bung ra. T, M tiếp cận xe mô tô, cả hai không mở được ổ khóa của xe nên bỏ đi. Cả hai đi đến nhà trọ số 153 trên đường số B thuộc khu phố N, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh nhìn thấy cổng của khu nhà trọ không khoá, tại hành lang dựng nhiều xe mô tô trong đó có 01 xe mô tô vẫn cắm chìa khóa. Mến mở cổng đi vào tiếp cận xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen, biển số 84F1 – 213.91 của anh Nguyễn Ngọc S dẫn ra khỏi khu nhà trọ đưa T. T dẫn xe đi được khoảng 600 mét thì nổ máy chở M quay lại khu nhà trọ 60/32/26 khu phố N, phường D lúc vào lấy xe trước đó. Khi gần đến cách dãy nhà trọ khoảng 30 mét, T dừng xe để M đi bộ vào khu nhà trọ, M mở cổng đi vào dẫn xe biển số 84F1 – 213.91 ra rồi ngồi lên xe, T điều khiển chiếc xe Sirius màu đỏ đen, biển số 84F1 – 213.91 chạy song song và dùng chân đẩy chiếc xe mô tô do M điều khiển. Cả hai điều khiển 2 xe về khu nhà trọ P1 cất giấu tại phòng số 54 (đang để trống chưa có người thuê) rồi qua phòng của T ngủ.

Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 05/7/2025, M sử dụng điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy M20 màu xám đen, gắn sim số 0365.042930 đăng bài trên mạng xã hội Facebook với nội dung bán xe không có giấy tờ biển số 59SA – 207.19 thì có số điện thoại có số đuôi 2930 (không rõ các số đầu) liên lạc với M, qua trao đổi thì người này đồng ý mua xe mô tô biển số 59SA – 207.19 với giá 5.000.000 đồng và yêu cầu giao xe tại khu vực chân cầu H thuộc phường B, tỉnh Đồng Nai. Sau đó M điều khiển xe trên giao cho người phụ nữ (không rõ nhân thân) tại địa chỉ đã hẹn và nhận 5.000.000 đồng, M đón xe ôm về phòng trọ của T và chia cho T 2.000.000 đồng.

Ngày 08/7/2025, T sử dụng điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A30 màu đen, gắn sim số 0899.710.839 liên hệ với số điện thoại 0337.903.939 trao đổi với nội dung cần bán xe không có giấy tờ biển số 84F1 – 213.91 thì có người nam giới (không rõ nhân thân) đồng ý mua xe với giá 1.800.000 đồng và yêu cầu giao xe lúc 14 giờ 30 phút phía trước quán C1 trên đường N, khu phố N, phường D. T cung cấp số tài khoản 700036593768 mở tại Ngân hàng S1 cho người nam này. Sau đó, T điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen, biển số 84F1 – 213.91 đi đến điểm hẹn giao xe cho 02 người đàn ông (không rõ nhân thân) rồi đi bộ về phòng trọ. Một lúc sau, tài khoản của T số 700036593768 nhận được số tiền lần lượt là 1.000.000 đồng, 400.000 đồng và 400.000 đồng từ các số tài khoản lạ chuyển đến, T chia cho M 900.000 đồng.

Vụ thứ 2: Khoảng 04 giờ 00 phút ngày 09/7/2025, M và T đi bộ đến khu nhà trọ địa chỉ số D đường số C, khu phố T, phường D, cả hai gặp 01 xe mô tô Yamha

Sirius màu trắng đỏ, biển số 77G1 – 400.86 của anh Dương Hoài N dựng hành lang dãy trọ, M mở cổng khu trọ vào tiếp cận xe dắt ra ngoài đưa cho T. Sau đó M, T dẫn xe về nhà trọ của T cất vào phòng số 54 rồi về phòng của T ngủ. Sáng ngày 09/7/2025, T và M qua phòng số 54 thì không thấy xe mô tô biển số 77G1 – 400.86 không còn trong phòng.

Ngày 05/7/2025 và ngày 11/7/2025, các anh Nguyễn Dương E, Nguyễn Ngọc S và anh Dương Hoài N có đơn trình báo tại Công an phường D.

Ngày 12/7/2025, Công an phường D tiến hành kiểm tra hành chính khu nhà trọ Phương N1 nghi ngờ M, T và yêu cầu về Công an phường làm việc sau đó M, T đầu thú việc mình chiếm đoạt tài sản.

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy M20 màu xám đen, gắn sim số 0365.042930 của bị cáo M; 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A30 màu đen, gắn sim số 0899.710839 của bị cáo T; 01 USB lưu giữ file ghi hình liên quan đến vụ án (lưu trong hồ sơ).

Bản Kết luận định giá tài sản 07/KLĐG-HĐĐGTS ngày 28/10/2025 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân phường D, kết luận:

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Future màu đen trắng, biển số 59SA – 207.19, số máy JC90E0261777, số khung RLHJC764XNY107838 trị giá 20.500.000 đồng.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen, biển số 84F1 – 213.91, số máy: E3X9E231182, số khung: 3240HY085130 trị giá 7.000.000 đồng.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamha Sirius màu trắng đỏ, biển số 77G1 – 400.86, số máy: 5C6J200419, số khung: C6J0GY200412 trị giá 5.500.000 đồng.”

Tổng giá trị tài sản 33.000.000 đồng.

Đối với chị Nguyễn Thị Út L1 cho Nguyễn Văn T thuê phòng trọ. T và M sử dụng phòng trống số 54 cất giấu tài sản chiếm đoạt, chị L1 không biết nên không đề cập xử lý.

Xe mô tô nhãn hiệu Honda Future màu trắng biển số 59SA – 207.19 do anh Cao Tấn P đứng tên đăng ký. Anh P bán xe cho anh Đinh Ngọc L. Anh L cho anh Nguyễn Dương E mượn đi công việc và bị T, M chiếm đoạt. Anh L và anh Dương E đã tự thỏa thuận giải quyết. 03 xe mô tô do bị cáo M, T chiếm đoạt và đã bán. Quá trình điều tra không thu hồi được.

Đối với thuê bao 0337.903939, Cơ quan CSĐT Công an thành phố H có Công văn đề nghị cung cấp thông tin chủ thuê bao 0337.903939 gửi Ban thanh tra Kiểm toán Tập đoàn C2 nhưng hiện chưa có kết quả.

Quá trình điều tra xác định: Ngày 06/07/2025, tại phòng trọ số 54 (phòng trọ bỏ trống, không có người quản lý), Phan Văn M và Nguyễn Văn T còn có hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý cùng với tên T3 (không rõ nhân thân). Về nguồn gốc ma tuý và bộ D sử ma tuý do T3 cung cấp. Do chưa xác định được nhân thân, lai lịch và nơi ở của T3 để làm việc nên chưa đủ căn cứ để xử lý hình sự. Hành vi của Phan Văn M và Nguyễn Văn T đã vi phạm khoản 1 Điều 23 Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ. Ngày 06/12/2025, Công an phường D ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Phan Văn M và Nguyễn Văn T về hành vi Sử dụng trái phép chất ma tuý quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ, mức xử phạt 1.500.000 đồng.

Đối với tên T3 cho ma túy T và M sử dụng, những người mua xe do M và T chiếm đoạt mà có và việc T và M mất tài sản tại phòng trọ số 54, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường, anh Nguyễn Dương E số tiền 20.500.000 đồng; anh Nguyễn Ngọc S số tiền 7.000.000 đồng; anh Dương Hoài N số tiền 5.500.000 đồng.

Cáo trạng số 350/CT-VKS – KV16 ngày 29/4/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo

+ Phan Văn M, Nguyễn Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025 (gọi tắt Bộ luật hình sự).

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố theo toàn bộ nội dung cáo trạng đã nêu, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng.

+ Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phan Văn M, Nguyễn Văn T từ 01 năm 9 tháng đến 2 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo M, T phải liên đới bồi thường thiệt hại cho bị hại S, E và N trị giá tài sản bị thiệt hại.

Về vật chứng:Tịch thu tiêu hủy 02 sim điện thoại; tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 02 điện thoại di động của bị cáo M, T .

Bị cáo Phan Văn M, Nguyễn Văn T không tranh luận, bào chữa cho hành vi phạm tội của mình. Trước khi Hội đồng xét xử nghị án bị cáo M, T nói lời sau cùng xin xem xét giảm nhẹ mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra các bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Chứng cứ xác định có tội của bị cáo Phan Văn M, Nguyễn Văn T. Do có bàn bạc trước vào các ngày 05/7/2025 và 09/7/2025, bị cáo M và T đã lén lút chiếm đoạt xe mô tô của anh Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Dương E, Dương Hoài N có tổng trị giá 33.000.000 đồng. Như vậy, hành vi trên của bị cáo M, T đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản " được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Bản cáo trạng số 350/CT -VKS -DA ngày 29/4/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo cũng như trình bày

luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với các bị cáo là có căn cứ pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo M, T chưa được xóa án tích tại các bản án (M bản án hình sự số 253 ngày 29/8/2024; bị cáo T tại bản án hình sự số 30 ngày 16/6/2023). Bị cáo M, T chiếm đoạt tài sản vào các ngày 05/7/2025 và 9/7/2025, các lần chiếm đoạt tài sản giá trị tài sản đều từ 2.000.000 đồng trở lên. Lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm, phạm tội 02 lần trở lên. Quy định tại điểm h, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo M, T quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đã đầu thú hành vi phạm tội. Tình tiết trên được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về nhân thân: Bị cáo M, T có nhân thân rất xấu thể hiện việc có tiền án, nhiều lần bị xét xử về tội "Trộm cắp tài sản", lần phạm tội này thể hiện sự không hướng thiện của bản thân cũng như việc chấp hành pháp luật của các bị cáo

[7] Về tính chất mức độ tội phạm: Bị cáo M, T phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng do có khung hình phạt đến 3 năm tù. Hành vi phạm tội của các bị cáo xâm phạm quyền sở hữu của bị hại, gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội nên cần phải xử lý nghiêm minh để giáo dục các bị cáo cũng như việc phòng ngừa chung cho xã hội.

[8] Trong vụ án có yếu tố đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn. Bị cáo M là người rủ bị cáo T phạm tội, bị cáo M, T tham gia với vai trò thực hành trong vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét tính chất mức độ của hành vi, nhân thân của từng bị cáo trong vụ án để có mức hình phạt tương xứng.

[9] Về vật chứng: Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy M20 màu xám đen của bị cáo M; 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A30 màu đen của bị T. Do sử dụng liên quan vào việc phạm tội. Cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Đối với sim điện thoại số 0899.710839 và số 0365.042930 Cần tịch thu tiêu hủy.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại S, E và N có yêu cầu bị cáo M, T bồi thường. Do vậy, buộc bị cáo M và T phải liên đới bồi thường trị giá tài sản các bị cáo đã chiếm đoạt.

[11] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 Thành phố Hồ Chí Minh đưa ra tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, việc xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Riêng mức hình phạt đối với các bị cáo có phần nhẹ, Hội đồng xét xử xử phạt mức hình phạt các bị cáo cao hơn so với mức hình phạt đại diện viện kiểm sát đề nghị

[12] Án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm, án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Phan Văn M, Nguyễn Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản "

1.1 Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Văn M 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù đối với bị cáo M, T tính từ ngày bị tạm giữ, bắt tạm giam 12/7/2025.

2.Các biện pháp tư pháp:

2.1 Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587 và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Phan Văn M, Nguyễn Văn T phải liên đới bồi thường cho các bị hại số tiền:

+ Anh Nguyễn Dương E số tiền 20.500.000 đồng (hai mươi triệu năm trăm nghìn đồng); anh Nguyễn Ngọc S số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng); anh Dương Hoài N số tiền 5.500.000 đồng (năm triệu lăm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2.2 Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự. Điều 89, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Tịch thu tiêu hủy: Sim điện thoại số 0899.710839 và số 0365.042930

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy M20 màu xám đen ;01 điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A30 màu đen

Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 21/5/2026 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 16 Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Q khoá 14.

Các bị cáo Phan Văn M, Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm. Bị cáo M và T liên đới nộp 1.650.000 đồng (một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh (01);
- VKSND TP. Hồ Chí Minh (01);
- VKSND Khu vực 16 – TP. Hồ Chí Minh (01);
- Công an TP. Hồ Chí Minh (01);
- THADS TP. Hồ Chí Minh (01);
- PV 06 - Công an TP. Hồ Chí Minh (01);
- PC 10 - Công an TP. Hồ Chí Minh (01);
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú hoặc nơi phát hiện tội phạm (01);
- Người tham gia tố tụng (01);
- THA hình sự (04);
- Phân trại tạm giam Lái Thiêu **(Dĩ An)** (01);
- Lưu: Hồ sơ, văn thư (02);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Linh